

ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN NÔM BẢN NỮ THÁN

Nguyễn Diệu Huyền
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: “Bản nữ thán” là một văn bản Nôm khuyết danh được khắc in đầu thế kỷ XX (1923). Văn bản được viết theo lối chữ chân, trình bày theo chiều dọc, đọc từ trên xuống dưới, từ phải sang trái. Phần ghi chép nội dung truyện có 216 câu thơ chữ Nôm viết theo thể Song thất lục bát. Trong quá trình nghiên cứu “Đặc điểm văn bản Nôm Bản nữ thán”, chúng tôi làm sáng tỏ những vấn đề liên quan đến: niên đại, hình thức ghi chép, số trang, đặc điểm các trang, đặc điểm chữ viết, nội dung ghi chép... Từ đó cho thấy, “Bản nữ thán” mang các đặc điểm cơ bản của văn bản Hán Nôm Việt Nam.

Từ khóa: văn bản Nôm, chữ Nôm, niên đại, hình thức, chữ viết

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bản nữ thán 貧女嘆 (Lời than của người con gái nghèo) là một văn bản Nôm khuyết danh. Tác phẩm đã được phiên ra quốc ngữ và được nhà xuất bản Tân Việt in năm 1952. Sau đó, Phạm Văn Độ dịch sang tiếng Pháp và được nhà xuất bản Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ thư xã) in năm 1945 ở Hà Nội. Tác phẩm không rõ được sáng tác vào thời điểm nào? Hiện trạng văn bản Nôm ra sao? Nội dung văn bản được ghi chép như thế nào?...Đó là những vấn đề còn bỏ ngỏ. Chính vì vậy, thông qua bài viết *Đặc điểm văn bản Nôm Bản nữ thán* chúng tôi muốn làm sáng tỏ một số vấn đề liên quan đến văn bản như: hình thức ghi chép, cách đọc, số trang, niên đại, bố cục văn bản, đặc điểm chữ viết...

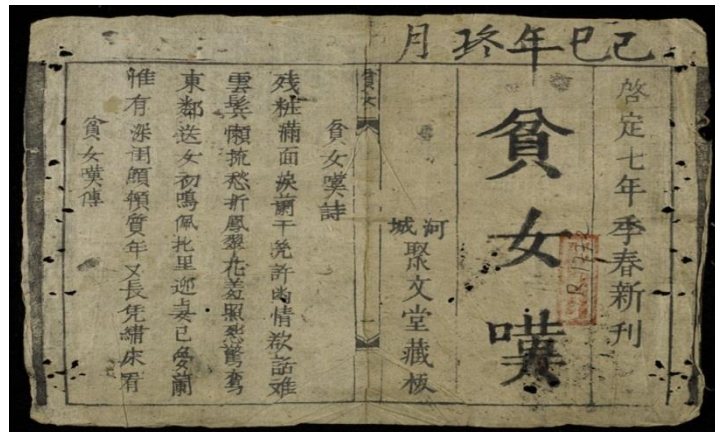
2. NỘI DUNG CHÍNH

Văn bản Nôm *Bản nữ thán* 貧女嘆 không có trong thư viện sách Hán Nôm Việt Nam.

Căn cứ vào bản chụp *Bản nữ thán* 貧女嘆 kí hiệu R.1772 [1] do Southeast Asia Digital Library (Thư viện số Đông Nam Á) cung cấp trên mạng, chúng tôi tiến hành khảo cứu để tìm hiểu văn bản. Về hình thức ghi chép, văn bản được viết theo chiều dọc, đọc từ trên xuống dưới, từ phải sang trái. Đây là một trong những hình thức ghi chép của các văn bản Hán Nôm thời trung đại. Về số trang, văn bản *Bản nữ thán* 貧女嘆 có 8 trang. Kích thước trang là 19 x 13 cm. Để tiện cho việc khảo cứu văn bản, chúng tôi chia nội dung nghiên cứu ra làm 3 phần: Phần đầu văn bản; Phần Nội dung văn bản (tác phẩm) và Phần cuối văn bản.

2.1. Phần đầu văn bản

Phần đầu văn bản ứng với trang đầu tiên. Trong đó có những vấn đề được chúng tôi xem xét:



(Hình ảnh: trang đầu văn bản *Bản nữ thán* kí hiệu R.1772)

- Thứ 1, dòng ngoài cùng bên phải là thời gian khắc in văn bản, đó là: 啟定七年季春新刊 *Khải Định thất niên quý xuân tân san* (Cuối mùa xuân năm Khải Định thứ 7 (1923) khắc in);

- Thứ 2, tên nhan đề được viết bằng ba chữ lớn 貧女嘆 (*Bản nữ thán*);

- Thứ 3, địa điểm lưu trữ là: 河城 *Hà Thành* (Hà Thành), còn nơi lưu trữ còn một chữ chưa được xác định đó là chữ gì trong nội dung (?) 文堂藏板, (?) *Văn Đường tàng bản* (Lưu trữ tại ? Văn Đường). Chúng tôi đoán định có thể đây là chữ “Hội” có cấu tạo gồm chữ 贖 *hội* (viết lược nét chữ 貴 *quý*) có nghĩa là điếc – chỉ ý kết hợp với chữ 灰 *hôi* có nghĩa là tro – chỉ âm. Chữ này không có trong từ điển chữ Nôm [4] cũng như từ điển Hán Việt [2]. Có lẽ Hội Văn Đường là nhà in dành cho những người khuyết tật chẳng?

- Thứ 4, Rôn sách ghi 02 chữ 貧女 *bản nữ* (con gái nghèo) bên trên, và bên dưới ghi

thứ tự trang đó là chữ 一 *nhất* (trang thứ nhất);

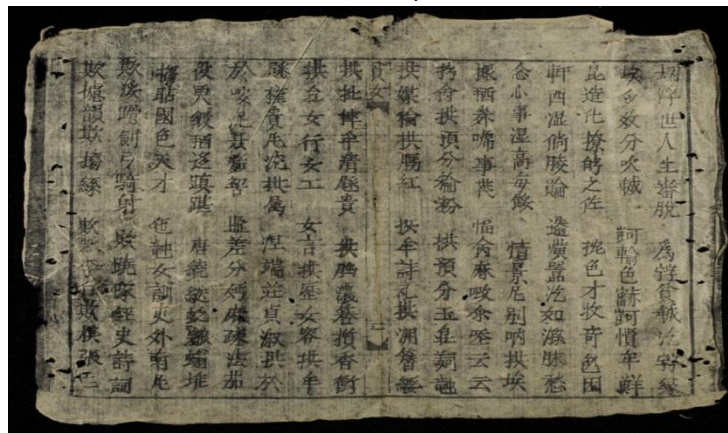
- Thứ 5, tên nhan đề và nội dung bài thơ chữ Hán 貧女詩 *Bản nữ thi* (Thơ con gái nghèo). Đây là bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Nguyên văn chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa và giá trị bài thơ sẽ được chúng tôi phân tích cụ thể hơn ở một bài nghiên cứu khác;

- Thứ 6, dòng cuối cùng là tên nhan đề 貧女嘆傳 *Bản nữ thán truyện* (Truyện người con gái nghèo);

- Thứ 7, phía trên cùng bên phải có viết 5 chữ lớn 己巳年玖月 *Kỷ Tỵ niên ửu nguyệt* (Tháng 9 năm Kỷ Tỵ). Hình thức chữ viết khác hẳn với những chữ được ghi bên dưới bản khắc, có lẽ đây là chữ do người đời sau thêm vào.

2.2. Phần nội dung tác phẩm

Phần nội dung tác phẩm *Bản nữ thán* gồm có 7 trang (từ trang 2 cho đến trang 8) với 216 câu thơ được viết theo thể *Song thất lục bát*.



(Hình ảnh: trang thứ hai ghi nội dung tác phẩm *Bản nữ thán*)

Về hình thức: văn bản được trình bày theo chiều dọc, đọc từ trên xuống dưới, từ phải sang trái. Giữa các câu thơ để cách ra một khoảng để đánh dấu sự kết thúc của một câu. Mỗi trang có 32 câu thơ chia làm 16 dòng, giữa trang là phần rôn sách khắc hai chữ 貧女 *bản nữ* bên trên và khắc số trang bên dưới. Riêng trang cuối cùng có 24 câu, chia làm 12 dòng. Ở trang thứ 4 và trang thứ 5 có thêm hai chữ 文泰 (*Văn Thái*) văn thái (văn chương lớn lao) viết ở trên đầu trang

phía bên phải, nét chữ viết tay, có lẽ do người đời sau thêm vào.

Về chữ viết: Các chữ Nôm được khắc theo lối chữ Chân, các chữ được khắc rõ ràng, đầy đủ nét chữ, hầu hết là dễ đọc. Các chữ Nôm được dùng có cả chữ đơn (mượn chữ Hán) và có cả chữ ghép (mượn một chữ Hán và ghép thêm những chữ khác để tạo thành một chữ mới) hoặc là những chữ hội ý.... Đây là một loại hình chữ viết thể hiện sự sáng tạo của cha ông ta thời quá khứ.

Về bố cục tác phẩm: căn cứ vào nội dung, chúng tôi chia tác phẩm thành 15 đoạn nhỏ với các tiêu đề như:

- Đoạn 1 (12 câu đầu): Cát tiếng than (từ câu đầu *Kiếp phù thế nhân sinh thâm thoát* đến câu *Bực mình mà gửi mấy lời vân vân*);

- Đoạn 2 (20 câu tiếp): Xét mình (từ câu *Nghĩ mình cũng dự phân sơn phân* đến *Khi bầu Lý Bạch, khi cờ Trương Ba*);

- Đoạn 3 (16 câu tiếp): Mong được thế này thế khác (từ câu *Dấu chẳng phải ngọc ngà kỳ dị* đến *Đào còn đương thắm, liễu còn đương tơ*);

- Đoạn 4 (4 câu tiếp): Có ngờ đâu (từ câu *Ngẫm duyên phận, ai ngờ nên nỗi* đến câu *Nói càng thêm giận, nghĩ càng thêm thương*);

- Đoạn 5 (4 câu tiếp): Trách trời (từ câu *Con tạo hóa đa đoan lắm* đến câu *Khó không cho một vài phân với người*);

- Đoạn 6 (4 câu tiếp): Trách Nguyệt lão (từ câu *Tay Nguyệt lão trêu người chi* đến câu *Khó thì để mãi trơ sao đành*);

- Đoạn 7 (4 câu tiếp): Trách chị Hằng (từ câu *Chị Hằng đành hanh chi* đến câu *Giàu thì nhắc đến, khó hằng chịu trơ*);

- Đoạn 8 (8 câu tiếp): Trách người đời (từ câu *Trách người thế mạt mạt có một* đến câu *Chỉ tham bông thắm, nở hoài bông thơm*);

- Đoạn 9 (12 câu tiếp): Tức tối (từ câu *Tưởng thế sự ai làm nên nỗi* đến câu *Thua son, thua phấn, thua tình, thua duyên*);

- Đoạn 10 (24 câu tiếp): Xét chỉ vì nghèo (từ câu *Vì một nỗi thua tiền, thua bạc* đến câu *Mà cho á Chức chàng Ngu trở giận*);

- Đoạn 11 (48 câu tiếp): Nỗi buồn rầu (từ câu *Tình rầu rĩ trôi xuôi lại* đến câu *Thôi thôi ta sẽ bán sầu làm tươi*);

- Đoạn 12 (8 câu tiếp): Tự an ủi (từ câu *Lọ là phải bàn may bàn rủi* đến câu *Đến kỳ kết quả, đến kỳ khai hoa*);

- Đoạn 13 (20 câu tiếp): Hy vọng (từ câu *Kìa trai già có khi nở ngọc* đến câu *Có khi cũng gặp duyên lành như ai*);


- Đoạn 14 (20 câu tiếp): Còn nhiều hy vọng (từ câu *Hễ hễ còn may ngài mắt phượng* đến câu *Giàu sang cũng có, nhân duyên cũng mau*);

- Đoạn 15 (12 câu cuối): Đợi chờ (từ câu *Phượng chấp cánh kia còn đợi gió* đến câu *Ai khen cũng mặc, ai cười mặc ai*).

Về thể loại: ở trang đầu văn bản ghi là 貧女嘆傳 Bản nữ thân truyện (Truyện Bản nữ thân), nhưng xem xét nội dung tác phẩm thì không có cốt truyện. Nội dung tác phẩm chủ yếu là lời tâm sự của một người con gái đang độ xuân xanh, tự xét mình nhan sắc nét na cũng không thua kém con nhà giàu sang quyền thế, và do đó cô cũng có ước nguyện lấy được tám chồng hiền quý, nhưng rồi số phận vẫn hẩm hiu, ngày tháng qua đi mà duyên may chẳng đến. Cô xét nguyên nhân thì chẳng thua kém ai, suy ra chỉ vì thua kém đồng tiền: “*Vì một nỗi thua tiền thua bạc, Hoá cho nên thua sắc thua tài*”. Gần như cả tập là lời độc thoại của cô con gái với nội tâm nhiều nỗi day dứt [5]. Hơn nữa, dung lượng tác phẩm là một bài thơ dài. Văn bản được viết bằng chữ Nôm và sáng tác theo thể thơ Song thất lục bát. Chúng tôi thấy, văn bản mang đầy đủ những nét đặc trưng của thể loại Ngâm khúc – một thể loại văn học tiêu biểu của văn học Việt Nam ở thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX [3]. Vì vậy, những giá trị về nội dung cũng như nghệ thuật của tác phẩm rất đáng được quan tâm nghiên cứu để thấy được những thành công của văn học Việt Nam thời trung đại.

2.3. Phần cuối văn bản

Phần cuối văn bản ứng với dòng cuối cùng (trang thứ 8). Nội dung dòng cuối cùng là lời chúc thọ vua 天子萬萬年 Thiên tử vạn vạn niên (Thiên tử muôn năm). Chữ 萬 vạn thứ hai được viết thay bằng chữ 又 hựu có nghĩa là lại, để biểu thị sự lặp lại của chữ trước. Câu chúc thọ này không phải chỉ của riêng người khắc văn bản, mà đó còn là câu chúc, câu mở đầu cho nhiều vũ khúc thời nhà Nguyễn.

Dòng cuối cùng có hai chữ viết thẩu ký tên người khắc , do viết thẩu nên nhìn rõ chữ 水 thủy, chữ bên trên có lẽ là chữ 流 lưu. Vậy tên người khắc có lẽ tên là Lưu Thủy?

Căn cứ vào các nội dung nghiên cứu văn bản như trên, chúng tôi nhận thấy đây là một văn bản đáng tin cậy để tìm hiểu về văn bản cũng như nội dung tác phẩm *Bản nữ thán*. Những đặc điểm của văn bản Nôm *Bản nữ thán* cũng chính là những đặc điểm tiêu biểu cho các văn bản Hán Nôm trong thời kỳ trung đại ở Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Những vấn đề liên quan đến đặc điểm văn bản như: niên đại khắc in hình thức trình bày, bố cục văn bản, đặc điểm chữ viết, đặc trưng thể loại... đã được tìm hiểu như trên đã có thể giúp chúng ta có được cái nhìn đầy đủ hơn về văn bản Nôm *Bản nữ thán*. Văn bản Nôm *Bản nữ thán* mang những đặc điểm chung của các văn bản thời trung đại Việt Nam. Tác phẩm khuyết danh, không rõ thời điểm sáng tác, nhưng căn cứ vào thời

gian khắc in (1923) và sự thể hiện những đặc trưng cơ bản của thể loại Ngâm khúc thì có lẽ văn bản được sáng tác trong khoảng thời gian thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX. Đồng thời, với những đặc trưng tiêu biểu của thể loại Ngâm khúc tác phẩm *Bản nữ thán* cần được tiếp tục nghiên cứu những giá trị nội dung và nghệ thuật để thấy được giá trị của tác phẩm trong kho tàng văn học trung đại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Bản nữ thán* 貧女嘆, Kí hiệu R.1772, Suu tâm.
- [2] Thiệu Chửu (2009), *Hán Việt tự điển*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [3] Ngô Văn Đức (2001), *Ngâm khúc quá trình hình thành, phát triển và thi pháp thể loại*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) (2006), *Tự điển chữ Nôm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Ngô Đức Thọ (chủ biên) (2002), *Thư mục sách Hán Nôm*, Nxb Bộ Văn hoá thông tin, Hà Nội.

CHARACTERISTICS OF THE NOM TEXT BAN NU THAN

Nguyen Dieu Huyen

Faculty of Social Sciences, Tay Bac University

Abstract: “Ban nu than” is an anonymous Nom text engraved in the early twentieth century (1923). Text is written in the footer, presented vertically, read from top to bottom, from right to left. The note content of the story has 216 Nom verses written in double seven, six eight form. In the research process, we clarify the issues related to dating, form of note, number of pages, characteristics of pages, writing characteristics, content. The result shows that “Ban nu than” has the basic characteristics of Vietnamese Han-Nom text.

Keywords: Nom text, Nom script, dating, form, writing.

Ngày nhận bài: 12/1/2021; Ngày nhận đăng: 23/03/2021

Liên lạc: Nguyễn Diệu Huyền, email: nguyendieuhuyen@utb.edu.vn